

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ: II - NĂM HỌC: 2025-2026
(CÁC LỚP HỌC PHẦN ĐỐI VỚI KHÓA 21)

Hướng dẫn chung:

- Các phòng học lý thuyết được bố trí tại các giảng đường 3A và 3B: ví dụ: phòng học 3A. P102 là phòng học P.102 ở giảng đường 3A
- Các phòng học lý thuyết C1 - C9 được bố trí ở giảng đường C trong khuôn viên trường Đại học Nông Lâm
- Các lớp thực hành tại phòng máy (PM), Phòng nghiệp vụ Báo chí-Truyền thông (PNV) học tại tầng 5 khu Nhà Hiệu bộ
- Các học phần mời giảng, thực tập thực tế, giờ thực hành (nếu có) sẽ thông báo sau khi thống nhất kế hoạch với các Khoa;

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
1	OCP231	3	Bài tập hóa hữu cơ_01 (HóaGV 21)	Nguyễn Thị Hồng Hoa	05/01/2026-08/02/2026	5			1,2,3	CP.5 (Hóa)										
				Nguyễn Thị Hồng Hoa	02/03/2026-05/04/2026	5			1,2,3	CP.5 (Hóa)										
				Khiếu Thị Tâm	06/04/2026-10/05/2026	5			1,2,3	CP.5 (Hóa)										
2	ICP231	3	Bài tập hóa vô cơ_01 (HóaGV 21)	Trương Thị Thảo	05/01/2026-08/02/2026	5					1,2,3	CP.5 (Hóa)								
				Nguyễn Thị Ngọc Linh	02/03/2026-10/05/2026	10					1,2,3	CP.5 (Hóa)								
3	HKM221	2	Chủ nghĩa xã hội khoa học_02 (HQ2 22, DVPL 21, CNSH 21)	Lê Thị Quỳnh Liu	02/02/2026-08/02/2026	1									10,11	Online				
				Lê Thị Quỳnh Liu	02/03/2026-07/06/2026	14									10,11	Online				

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
4	DMS231	3	Cơ sở dữ liệu và Hệ quản trị CSDL_01 (TT 22, TT 21)	Hoàng Hoài Nam	02/03/2026-03/05/2026	9			4,5	3A. P503										
				Hoàng Hoài Nam		9	1,2,3	3A. P503												
5	DMS231	3	Cơ sở dữ liệu và Hệ quản trị CSDL_01 (TT 22, TT 21)_TH1	Hoàng Hoài Nam	02/03/2026-10/05/2026	10					7,8,9	PM3								
6	DMS231	3	Cơ sở dữ liệu và Hệ quản trị CSDL_01 (TT 22, TT 21)_TH2	Hoàng Hoài Nam	02/03/2026-10/05/2026	10					9,10, 11	PM3								
7	TBS231	3	Cơ sở lý thuyết các phương pháp phổ_01 (HóaGV 21)	Phạm Thế Chính	05/01/2026-25/01/2026	3									7,8,9, 10,11	3A. P303				
				Khiếu Thị Tâm	26/01/2026-08/02/2026	2									7,8,9, 10,11	3A. P303				
				Khiếu Thị Tâm	02/03/2026-29/03/2026	4									7,8,9, 10,11	3A. P203				
8	MBI331	3	Công nghệ sinh học phân tử_01 (CNSH 21)	Trưởng A Tài	05/01/2026-08/02/2026	5					7,8,9, 10,11	CP.6 (Sinh)								
				Trưởng A Tài		5							7,8,9, 10,11	PTN						
				Trưởng A Tài	26/01/2026-08/02/2026	2			7,8,9, 10,11	PTN										
9	SWH331	3	Công tác xã hội trong y tế_01 (CTXH 21)	MG: Đào Duy Kiên	05/01/2026-08/02/2026	5			9,10, 11	3A. P102										
				MG: Đào Duy Kiên	02/03/2026-05/04/2026	5			9,10, 11	3A. P102										
				MG: Đào Duy Kiên	09/03/2026-29/03/2026	3											1-10	Thực hành		

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
10	SSW331	3	Công tác xã hội trường học_01 (CTXH 21)	Trần Thị Phương Thảo	05/01/2026-08/02/2026	5			7,8	3A. P102										
				Trần Thị Phương Thảo	02/03/2026-10/05/2026	10			7,8	3A. P102										
				Trần Thị Phương Thảo	30/03/2026-10/05/2026	6											7,8,9, 10,11	Thực hành		
11	SEM331	3	CTXH với dân tộc thiểu số_01 (CTXH 21)	Tạ Thị Thảo	05/01/2026-08/02/2026	5	9,10	3A. P102												
				Tạ Thị Thảo	02/03/2026-10/05/2026	10	9,10	3A. P102												
				Tạ Thị Thảo	30/03/2026-10/05/2026	6											1,2,3, 4,5	Thực hành		
12	EAL331	3	Đại số sơ cấp_01 (Toán 21)	Phạm Hồng Nam	05/01/2026-08/02/2026	5	1,2	3A. P303												
				Phạm Hồng Nam		5			4,5	3A. P303										
				Phạm Hồng Nam	02/03/2026-19/04/2026	7			4,5	3A. P203										
				Phạm Hồng Nam		7	1,2	3A. P203												
13	SIL221	2	Đạo đức nghề luật_01 (Luật 21)	Lường Thị Hạnh	05/01/2026-08/02/2026	5											7,8,9	3A. P103		
				Lường Thị Hạnh	02/03/2026-19/04/2026	7											7,8,9	3A. P103		
14	TLW231	3	Dạy học tiếng Việt và làm văn ở trường phổ thông theo hướng phát triển năng lực_01 (Văn 21)	Nguyễn Thị Trà My	05/01/2026-08/02/2026	5								3,4,5	3A. P403					
				Nguyễn Thị Trà My	02/03/2026-05/04/2026									3,4,5	3A. P403					
				Trịnh Thị Thu Hòa	06/04/2026-10/05/2026	10								3,4,5	3A. P403					

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
15	PRO431	3	Đề án 1 (Khởi nghiệp)_01 (KND 21)	Trương Phúc Hưng	05/01/2026-08/02/2026	5	4,5	3A. P504												
				Trương Phúc Hưng	02/03/2026-10/05/2026	10	4,5	3A. P504												
				Trương Phúc Hưng	30/03/2026-10/05/2026	6											7,8,9, 10,11	Thực hành		
16	GNG341	4	Địa lý tự nhiên đại cương_01 (Sử 21)	Đỗ Thị Vân Hương	05/01/2026-08/02/2026	5							9,10, 11	3A. P203						
				Đỗ Thị Vân Hương	02/03/2026-10/05/2026	10							9,10, 11	3A. P503						
				Đỗ Thị Vân Hương	30/03/2026-10/05/2026	6											7,8,9, 10,11	3A. P503		
17	SDL331	3	Định mức lao động_01 (KHQL 21)	Nguyễn Thị Kim Phương	05/01/2026-08/02/2026	5			7,8,9	3A. P402										
				Nguyễn Thị Kim Phương	02/03/2026-10/05/2026	10			7,8,9	3A. P402										
18	RWC332	3	Đọc – Viết Tiếng Trung 2_01 (AT 21)	Vũ Thảo Nhi	05/01/2026-08/02/2026	5	3,4,5	C9												
				Vũ Thảo Nhi	02/03/2026-10/05/2026	10	3,4,5	C9												
19	EED231	3	Giáo dục môi trường_01 (QLTN 21)	Nguyễn Thị Hồng Viên	05/01/2026-08/02/2026	5	2,3	3A. P203												
				Nguyễn Thị Hồng Viên	02/03/2026-10/05/2026	10	2,3	3A. P504												
				Nguyễn Thị Hồng Viên	30/03/2026-10/05/2026	6	7,8,9, 10,11	Thực hành												

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
20	EGE331	3	Hình học sơ cấp_01 (Toán 21)	Ngô Văn Định	05/01/2026-08/02/2026	5					1,2,3	3A. P403								
				Ngô Văn Định	02/03/2026-10/05/2026	10					1,2,3	3A. P403								
21	CHK331	3	Hóa học phức chất_01 (CNHóa 21)	Nguyễn Thị Ngọc Linh	05/01/2026-08/02/2026	5	7,8,9	CP.5 (Hóa)												
				Nguyễn Thị Ngọc Linh	02/03/2026-10/05/2026	10	7,8,9	CP.5 (Hóa)												
22	CWL231	4	Hóa học và đời sống_01 (HóaGV 21)	Nguyễn Đình Vinh	05/01/2026-08/02/2026	5			4,5	CP.5 (Hóa)										
				Nguyễn Đình Vinh		5	1,2,3	CP.5 (Hóa)												
				Nguyễn Đình Vinh	02/03/2026-03/05/2026	9			4,5	CP.5 (Hóa)										
				Nguyễn Đình Vinh		9	1,2,3	CP.5 (Hóa)												
23	FDJ431	3	Hóa học xanh_01 (Dược 23, LýBD 22, CNHóa 21)	Trương Thị Thảo	02/03/2026-24/05/2026	12											2,3,4,5	3A. P104		
24	ELM231	3	Khai thác chất liệu văn học trong sáng tác tác phẩm báo chí_01 (BC 21)	Phạm Thị Vân Huyền	05/01/2026-08/02/2026	5			7,8,9	PNV BC-TT										
				Phạm Thị Vân Huyền	02/03/2026-10/05/2026	10			7,8,9	PNV BC-TT										
25	SLM321	2	Khoa học lãnh đạo, quản lý_01 (DVPL 21)	Lê Văn Cảnh	05/01/2026-08/02/2026	5					9,10, 11	3A. P203								
				Lê Văn Cảnh	02/03/2026-03/05/2026	9					9,10, 11	3A. P504								

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
26	CAM231	3	Kiến trúc và bảo trì máy tính_01 (TT 21)	Phạm Ngọc Phương	05/01/2026-08/02/2026	5							1,2,3	3A. P503						
				Phạm Ngọc Phương	02/03/2026-10/05/2026	10							1,2,3	3A. P503						
27	SUS331	3	Kinh doanh dịch vụ bổ sung_01 (QTDV 21 KS)	Lê Thị Anh	05/01/2026-08/02/2026	5	7,8	P.102 (Pha chế)												
				Lê Thị Anh	02/03/2026-10/05/2026	10	7,8	P.102 (Pha chế)												
				Lê Thị Anh	30/03/2026-10/05/2026	6							1,2,3, 4,5	Thực hành						
28	CEC231	3	Kinh tế Trung Quốc_01 (TQ1 21)	Phan Phạm Chi Mai	05/01/2026-08/02/2026	5	1,2,3	C4												
				Phan Phạm Chi Mai	02/03/2026-22/03/2026	3	1,2,3	C4												
				Nguyễn Thị Bích Hạnh	23/03/2026-10/05/2026	7	1,2,3	C4												
29	CEC231	3	Kinh tế Trung Quốc_02 (TQ2 21)	Nguyễn Thị Bích Hạnh	05/01/2026-08/02/2026	5			1,2,3	C1										
				Nguyễn Thị Bích Hạnh	02/03/2026-22/03/2026	3			1,2,3	C1										
				Chu Thị Hồng Huyền	23/03/2026-10/05/2026	7			1,2,3	C1										
30	CEC231	3	Kinh tế Trung Quốc_03 (TQ3 21)	Phan Phạm Chi Mai	05/01/2026-08/02/2026	5	4,5,6	C8												
				Phan Phạm Chi Mai	02/03/2026-22/03/2026	3	4,5,6	C8												
				Nguyễn Thị Bích Hạnh	23/03/2026-10/05/2026	7	4,5,6	C8												

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
31	CEC231	3	Kinh tế Trung Quốc_04 (TQ4 21)	Nguyễn Thị Bích Hạnh	05/01/2026-08/02/2026	5			4,5,6	C5										
				Nguyễn Thị Bích Hạnh	02/03/2026-22/03/2026	3			4,5,6	C5										
				Chu Thị Hồng Huyền	23/03/2026-10/05/2026	7			4,5,6	C5										
32	CEC231	3	Kinh tế Trung Quốc_05 (TQ5 21)	Nguyễn Thị Bích Hạnh	05/01/2026-08/02/2026	5					1,2,3	C4								
				Nguyễn Thị Bích Hạnh	02/03/2026-22/03/2026	3					1,2,3	C4								
				Chu Thị Hồng Huyền	23/03/2026-10/05/2026	7					1,2,3	C4								
33	SEI221	2	Kỹ năng khai thác thông tin trên Internet_01 (BC 21)	Nguyễn Thị Trà My	05/01/2026-08/02/2026	5							9,10, 11	PNV BC-TT						
				Nguyễn Thị Trà My	02/03/2026-10/05/2026	10							9,10, 11	PNV BC-TT						
34	LCS331	3	Kỹ năng tư vấn pháp luật_01 (DVPL 21)	Nguyễn Thị Thùy Giang	05/01/2026-08/02/2026	5			7,8	3A. P303										
				Nguyễn Thị Thùy Giang		5					7,8	3A. P203								
				Nguyễn Thị Thùy Giang	02/03/2026-03/05/2026	9			7,8	3A. P504										
				Nguyễn Thị Thùy Giang		9					7,8	3A. P504								
35	TCR331	3	Kỹ thuật tiến hành phản ứng và tách chất_01 (CNHóa 21)	Lưu Tuấn Dương	05/01/2026-08/02/2026	5			7,8,9	CP.5 (Hóa)										
				Lưu Tuấn Dương	02/03/2026-10/05/2026	10			7,8,9	CP.5 (Hóa)										

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
36	OOP331	3	Lập trình game_01 (TT 21)	Hoàng Thị Hà	05/01/2026-08/02/2026	5			7,8,9	PM3										
				Hoàng Thị Hà	02/03/2026-10/05/2026	10			7,8,9	PM3										
37	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_01 (HQ1 21, DTTS 22)	Lý Thị Thu Huyền	05/01/2026-08/02/2026	5	8,9	Online												
				Lý Thị Thu Huyền	02/03/2026-10/05/2026	10	8,9	Online												
38	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_02 (HQ2 21)	Lý Thị Thu Huyền	05/01/2026-08/02/2026	5	10,11	Online												
				Lý Thị Thu Huyền	02/03/2026-10/05/2026	10	10,11	Online												
39	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_03 (Văn 21, Sử 21, CNHóa 21, HóaGV 21)	Lê Thị Quỳnh Liu	05/01/2026-08/02/2026	5					7,8	Online								
				Lê Thị Quỳnh Liu	02/03/2026-10/05/2026	10					7,8	Online								
40	JFG221	2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam_04 (KHQL 21, CTXH 21, TV 21, TD 21)	Lê Thị Quỳnh Liu	05/01/2026-08/02/2026	5							10,11	Online						
				Lê Thị Quỳnh Liu	02/03/2026-10/05/2026	10							10,11	Online						
41	JFG221	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam_05 (QTDV 21, QLTN 21)	Lý Thị Thu Huyền	05/01/2026-08/02/2026	5									10,11	Online				
				Lý Thị Thu Huyền	02/03/2026-10/05/2026	10									10,11	Online				
42	JFG221	2	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam_06 (DL 21, DVPL 21, Toán 21, TT 21)	Lý Thị Thu Huyền	05/01/2026-08/02/2026	5									7,8	Online				
				Lý Thị Thu Huyền	02/03/2026-10/05/2026	10									7,8	Online				

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
43	HIW243	4	Lịch sử thế giới hiện đại_01 (Sử 21)	Đặng Văn Duy	05/01/2026-08/02/2026	5							7,8	3A. P203						
				Đặng Văn Duy		5									7,8	3A. P203				
				Đặng Văn Duy	02/03/2026-10/05/2026	10							7,8	3A. P503						
				Đặng Văn Duy		10									7,8	3A. P503				
44	CHH231	3	Lịch sử Trung Quốc_01 (TQ1 21)	Nguyễn Văn Tiến	05/01/2026-08/02/2026	5							10,11,12	C4						
				Nguyễn Văn Tiến	02/03/2026-10/05/2026	10							10,11,12	C4						
				Nguyễn Văn Tiến	20/04/2026-10/05/2026	3												1,2,3,4,5	Thực hành	
45	CHH231	3	Lịch sử Trung Quốc_02 (TQ2 21)	Nguyễn Văn Tiến	05/01/2026-08/02/2026	5	4,5,6	C2												
				Nguyễn Văn Tiến	02/03/2026-10/05/2026	10	4,5,6	C2												
				Nguyễn Văn Tiến	30/03/2026-19/04/2026	3													1,2,3,4,5	Thực hành
46	CHH231	3	Lịch sử Trung Quốc_03 (TQ3 21)	Nguyễn Văn Tiến	05/01/2026-08/02/2026	5	1,2,3	C2												
				Nguyễn Văn Tiến	02/03/2026-10/05/2026	10	1,2,3	C2												
				Nguyễn Văn Tiến	09/03/2026-29/03/2026	3													1,2,3,4,5	Thực hành

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
47	CHH231	3	Lịch sử Trung Quốc_04 (TQ4 21)	Nguyễn Văn Tiến	05/01/2026-08/02/2026	5			1,2,3	C8										
				Nguyễn Văn Tiến	02/03/2026-10/05/2026	10			1,2,3	C8										
				Nguyễn Văn Tiến	30/03/2026-19/04/2026	3												7,8,9,10,11	Thực hành	
48	CHH231	3	Lịch sử Trung Quốc_05 (TQ5 21)	Nguyễn Văn Tiến	05/01/2026-08/02/2026	5							7,8,9	C4						
				Nguyễn Văn Tiến	02/03/2026-10/05/2026	10							7,8,9	C4						
				Nguyễn Văn Tiến	09/03/2026-29/03/2026	3												7,8,9,10,11	Thực hành	
49	HJW241	4	Lịch sử Việt Nam hiện đại_01 (Sử 21)	Đoàn Thị Yến	05/01/2026-08/02/2026	5											2,3,4,5	3A. P203		
				Đoàn Thị Yến	02/03/2026-10/05/2026	10											2,3,4,5	3A. P503		
50	LOL431	3	Luật đất đai_01 (Luật 21)	Trịnh Vương An	05/01/2026-08/02/2026	5							7,8	3A. P103						
				Trịnh Vương An		5									9,10	3A. P103				
				Trịnh Vương An	02/03/2026-26/04/2026	8							7,8	3A. P103						
				Trịnh Vương An		8									9,10	3A. P103				
51	CNL231	3	Luật hiến pháp_01 (Sử 21)	Nguyễn Thị Hoàng Lan	05/01/2026-08/02/2026	5									9,10,11	3A. P203				
				Nguyễn Thị Hoàng Lan	02/03/2026-10/05/2026	10									9,10,11	3A. P503				

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
52	GHI321	2	Luật Hôn nhân và gia đình_01 (DVPL 21)	Nguyễn Hải Ngân	05/01/2026-08/02/2026	5			9,10, 11	3A. P403										
				Nguyễn Hải Ngân	02/03/2026-03/05/2026	9			9,10, 11	3A. P504										
53	GDJ431	3	Luật Sở hữu trí tuệ_01 (Luật 21)	Ma Thị Thanh Hiếu	05/01/2026-08/02/2026	5								7,8	3A. P103					
				Ma Thị Thanh Hiếu		5						9,10	3A. P103							
				Ma Thị Thanh Hiếu	02/03/2026-26/04/2026	8								7,8	3A. P103					
				Ma Thị Thanh Hiếu		8						9,10	3A. P103							
54	GKI331	3	Luật Tổ tụng hình sự_01 (DVPL 21)	Nguyễn Hoàng Ly	05/01/2026-08/02/2026	5										7,8, 9,10	3A. P203			
				Nguyễn Hoàng Ly	02/03/2026-03/05/2026	9										7,8, 9,10	3A. P203			
55	GTC431	3	Lý luận về định tội danh_01 (Luật 21)	Dương Thị Xuân Quý	05/01/2026-08/02/2026	5	7,8	3A. P103												
				Dương Thị Xuân Quý		5			7,8	3A. P103										
				Dương Thị Xuân Quý	02/03/2026-26/04/2026	8	7,8	3A. P103												
				Dương Thị Xuân Quý		8			7,8	3A. P103										

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
56	MKT231	3	Lý thuyết Hàn ngữ hiện đại_01 (HQ1 21)	MG: Lưu Tuấn Anh	05/01/2026-08/02/2026	5									1,2,3	C6				
				MG: Lưu Tuấn Anh	02/03/2026-10/05/2026	10									1,2,3	C6				
57	MKT231	3	Lý thuyết Hàn ngữ hiện đại_02 (HQ2 21)	MG: Lưu Tuấn Anh	05/01/2026-08/02/2026	5	3,4,5	C10												
				MG: Lưu Tuấn Anh	02/03/2026-10/05/2026	10	3,4,5	C10												
58	NUT231	3	Lý thuyết số_01 (Toán 21)	Trần Đức Dũng	05/01/2026-08/02/2026	5									1,2,3	3A. P203				
				Trần Đức Dũng	02/03/2026-10/05/2026	10									1,2,3	3A. P503				
59	NET321	2	Mạng máy tính_01 (TT 21)	Bùi Đức Việt	05/01/2026-08/02/2026	5							4,5	3A. P503						
				Bùi Đức Việt	02/03/2026-10/05/2026	10							4,5	3A. P503						
60	GDF221	2	Nghịệp vụ văn phòng_01 (TD 21)	Vũ Thị Vân	05/01/2026-08/02/2026	5					10,11	3A. P102								
				Vũ Thị Vân	02/03/2026-10/05/2026	10					10,11	3A. P102								
61	LSS331	3	Pháp luật An sinh xã hội_01 (Luật 21)	Nguyễn Thị Thu Hường	05/01/2026-08/02/2026	5	9,10, 11	3A. P103												
				Nguyễn Thị Thu Hường	02/03/2026-10/05/2026	10	9,10, 11	3A. P103												
				Nguyễn Thị Thu Hường	04/05/2026-10/05/2026	1											1,2,3, 4,5	3A. P201		

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
62	AKI231	3	Phiên dịch tiếng Hàn nâng cao_01 (HQ1 21)	Phạm Thị Tuyết Nhung	05/01/2026-08/02/2026	5									4,5	C6				
				Phạm Thị Tuyết Nhung		5						1,2	C6							
				Phạm Thị Tuyết Nhung	02/03/2026-10/05/2026	10								4,5	C6					
				Phạm Thị Tuyết Nhung		10						1,2	C6							
63	AKI231	3	Phiên dịch tiếng Hàn nâng cao_02 (HQ2 21)	Phạm Thị Tuyết Nhung	05/01/2026-08/02/2026	5								1,2	C1					
				Phạm Thị Tuyết Nhung		5						4,5	C8							
				Phạm Thị Tuyết Nhung	02/03/2026-10/05/2026	10								1,2	C3					
				Phạm Thị Tuyết Nhung		10						4,5	C8							
64	CIN231	3	Phiên dịch tiếng Trung_01 (TQ1 21)	MG: Quách Thị Nga	05/01/2026-08/02/2026	5											1,2,3	3A. P202		
				MG: Quách Thị Nga	02/03/2026-10/05/2026	10											1,2,3	3A. P202		
65	CIN231	3	Phiên dịch tiếng Trung_02 (TQ2 21)	MG: Quách Thị Nga	05/01/2026-08/02/2026	5											4,5,6	3A. P202		
				MG: Quách Thị Nga	02/03/2026-10/05/2026	10											4,5,6	3A. P202		
66	CIN231	3	Phiên dịch tiếng Trung_03 (TQ3 21)	MG: Quách Thị Nga	05/01/2026-08/02/2026	5					10,11, 12	C6								
				MG: Quách Thị Nga	02/03/2026-10/05/2026	10					10,11, 12	C6								

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
67	CIN231	3	Phiên dịch tiếng Trung_04 (TQ4 21)	Nguyễn Thúy Quỳnh	05/01/2026-08/02/2026	5											4,5,6	3A. P101		
				Nguyễn Thúy Quỳnh	02/03/2026-10/05/2026	10											4,5,6	3A. P101		
68	CIN231	3	Phiên dịch tiếng Trung_05 (TQ5 21)	Nguyễn Thúy Quỳnh	05/01/2026-08/02/2026	5			10,11,12	C8										
				Nguyễn Thúy Quỳnh	02/03/2026-10/05/2026	10			10,11,12	C8										
69	CIN231	3	Phiên dịch tiếng Trung_06 (TQ6 21)	Nguyễn Thúy Quỳnh	05/01/2026-08/02/2026	5			7,8,9	C8										
				Nguyễn Thúy Quỳnh	02/03/2026-10/05/2026	10			7,8,9	C8										
70	PTK331	3	Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ_01 (Anh 21, AH 21)	Lại Thị Thanh	05/01/2026-08/02/2026	5					1,2,3	C9								
				Lại Thị Thanh	02/03/2026-10/05/2026	10					1,2,3	C9								
71	PTK331	3	Phương pháp giảng dạy ngoại ngữ_02 (AT 21)	Lại Thị Thanh	05/01/2026-08/02/2026	5								3,4,5	C8					
				Lại Thị Thanh	02/03/2026-10/05/2026	10								3,4,5	C8					
72	NUM231	3	Phương pháp số_01 (Toán 21, TT 21)	Nguyễn Thanh Hường	05/01/2026-08/02/2026	5			1,2,3	3A. P303										
				Nguyễn Thanh Hường	02/03/2026-10/05/2026	10			1,2,3	3A. P203										
73	SMM331	3	Quản lý nhà văn hóa - câu lạc bộ_01 (TD 21)	Dương Minh Cường	06/04/2026-17/05/2026	6					1,2,3,4	C2								
				Dương Minh Cường		6			7,8,9,10	C1										

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
74	SEC331	3	Quản lý TDDT thành tích cao_01 (TD 21)	Lê Trung Kiên	06/04/2026-17/05/2026	6			1,2,3,4	C2										
				Lê Trung Kiên		6	7,8,9,10	C1												
75	SEM431	3	Quản lý Thể dục thể thao giải trí_01 (TD 21)	Đỗ Thái Phong	06/04/2026-17/05/2026	6								7,8,9,10	C1					
				Đỗ Thái Phong		6						1,2,3,4	C1							
76	TQM331	3	Quan trắc môi trường_01 (QLTN 21)	Chu Thị Hồng Huyền	05/01/2026-08/02/2026	5	4,5	3A. P403												
				Chu Thị Hồng Huyền	02/03/2026-10/05/2026	10	4,5	3A. P403												
				Chu Thị Hồng Huyền	30/03/2026-10/05/2026	6					7,8,9,10,11	Thực hành								
77	TPM331	3	Quản trị chất lượng sản phẩm lữ hành_01 (QTDV 21 LH)	Ngô Thị Huyền Trang	02/03/2026-10/05/2026	10							7,8,9	3A. P505						
				Ngô Thị Huyền Trang	30/03/2026-10/05/2026	6												1,2,3,4,5	Thực hành	
78	ASM231	3	Quản trị dịch vụ bổ sung trong lưu trú_01 (KND 21)	Lê Thị Anh	05/01/2026-08/02/2026	5								4,5	P.102 (Pha chế)					
				Lê Thị Anh	26/01/2026-08/02/2026	2										1,2,3,4,5	Thực hành			
				Lê Thị Anh	02/03/2026-10/05/2026	10								4,5	P.102 (Pha chế)					
				Lê Thị Anh	02/03/2026-29/03/2026	4										1,2,3,4,5	Thực hành			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
79	TDM331	3	Quản trị điểm đến du lịch_01 (QTDV 21 LH)	Dương Thùy Linh	05/01/2026-08/02/2026	5							8,9,10,11	3A. P403						
				Dương Thùy Linh	02/03/2026-05/04/2026	5							10,11	3A. P505						
				Dương Thùy Linh	30/03/2026-10/05/2026	6					1,2,3,4,5	Thực hành								
80	ERM331	3	Quản trị doanh thu và chi phí_01 (KND 21)	Ngô Thị Huyền Trang	05/01/2026-08/02/2026	5									2,3	3A. P504				
				Ngô Thị Huyền Trang	26/01/2026-08/02/2026	2											7,8,9,10,11	Thực hành		
				Ngô Thị Huyền Trang	02/03/2026-10/05/2026	10									2,3	3A. P504				
				Ngô Thị Huyền Trang	02/03/2026-29/03/2026	4											7,8,9,10,11	Thực hành		
81	RHB331	3	Quản trị kinh doanh Nhà hàng – khách sạn_01 (DL 21 KS)	Phạm Thị Hồng Nhung	05/01/2026-08/02/2026	5					10,11	3A. P402								
				Phạm Thị Hồng Nhung	02/03/2026-10/05/2026	10					10,11	3A. P402								
				Phạm Thị Hồng Nhung	30/03/2026-10/05/2026	6											1,2,3,4,5	3A. P203		
82	HRM332	3	Quản trị nhân sự trong khách sạn và khu nghỉ dưỡng_01 (KND 21)	Đỗ Thị Vân Hương	05/01/2026-08/02/2026	5					4,5	3A. P303								
				Đỗ Thị Vân Hương	02/03/2026-10/05/2026	10					4,5	3A. P504								
				Đỗ Thị Vân Hương	30/03/2026-10/05/2026	6									7,8,9,10,11	Thực hành				

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
83	BRM441	4	Quản trị thương hiệu_01 (KND 21)	Lê Thị Anh	05/01/2026-08/02/2026	5					1,2,3	P.102 (Pha chế)								
				Lê Thị Anh	26/01/2026-08/02/2026	2									7,8,9, 10,11	Thực hành				
				Lê Thị Anh	02/03/2026-10/05/2026	10					1,2,3	P.102 (Pha chế)								
				Lê Thị Anh	02/03/2026-29/03/2026	4									7,8,9, 10,11	Thực hành				
84	JFK431	3	Quản trị tiền sảnh_01 (QTDV 21 KS)	Nguyễn Hồng Vân	05/01/2026-08/02/2026	5	9,10, 11	P.102 (Pha chế)												
				Nguyễn Hồng Vân	02/03/2026-05/04/2026	5	9,10, 11	P.102 (Pha chế)												
				Nguyễn Hồng Vân	02/03/2026-22/03/2026	3											7,8,9, 10,11	P.102 (Pha chế)		
				Nguyễn Hồng Vân		3					7,8,9, 10,11	P.102 (Pha chế)								
85	APP231	3	Quảng cáo và sản xuất nội dung quảng cáo_01 (BC 21)	Phạm Thị Hải Yến	05/01/2026-08/02/2026	5	10,11	PNV BC-TT												
				Phạm Thị Hải Yến		5			10,11	PNV BC-TT										
				Phạm Thị Hải Yến	02/03/2026-10/05/2026	10	10,11	PNV BC-TT												
				Phạm Thị Hải Yến		10			10,11	PNV BC-TT										

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
86	EON331	3	Quy hoạch và chính sách sử dụng đất_01 (QLTN 21)	Nguyễn Thị Bích Liên	05/01/2026-08/02/2026	5			1,2	3A. P203										
				Nguyễn Thị Bích Liên	02/03/2026-10/05/2026	10			1,2	3A. P403										
				Nguyễn Thị Bích Liên	30/03/2026-26/04/2026	4							7,8,9, 10,11	PM3						
				Nguyễn Thị Bích Liên	27/04/2026-10/05/2026	2							7,8,9, 10,11	Thực hành						
87	RAR431	3	Sản xuất tác phẩm phát thanh_01 (BC 21)	Đinh Thị Quỳnh Trang	05/01/2026-08/02/2026	5					7,8	PNV BC-TT								
				Đinh Thị Quỳnh Trang		5	7,8,9	PNV BC-TT												
				Đinh Thị Quỳnh Trang	02/03/2026-19/04/2026	7					7,8	PNV BC-TT								
				Đinh Thị Quỳnh Trang		7	7,8,9	PNV BC-TT												
88	SPS221	2	Tâm lý học thể dục thể thao_01 (TD 21, TD 22)	MG: Võ Xuân Thủy	02/03/2026-10/05/2026	10					7,8,9	3A. P102								
89	JFY431	3	Thiết kế sản phẩm báo chí_01 (BC 21)	Phạm Anh Nguyên	05/01/2026-08/02/2026	5							7,8	PNV BC-TT						
				Phạm Anh Nguyên		5					9,10, 11	PNV BC-TT								
				Nguyễn Thái Sơn	02/03/2026-19/04/2026	7							7,8	PNV BC-TT						
				Nguyễn Thái Sơn		7					9,10, 11	PNV BC-TT								

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
90	ASA231	3	Thống kê và xử lý kết quả thực nghiệm_01 (CNHóa 21)	Nguyễn Thị Kim Ngân	05/01/2026-08/02/2026	5									7,8,9	CP.5 (Hóa)				
				Nguyễn Thị Kim Ngân	02/03/2026-10/05/2026	10									7,8,9	CP.5 (Hóa)				
91	PTT332	3	Thực tập hóa công nghệ_01 (CNHóa 21)	Lưu Tuấn Dương	05/01/2026-08/02/2026	5							7,8,9	PTN						
				Lưu Tuấn Dương	02/03/2026-10/05/2026	10							7,8,9	PTN						
92	PPC431	3	Thực tập hóa lý_01 (HóaGV 21)	Nguyễn Thị Hồng Hoa	05/01/2026-08/02/2026	5							1,2,3, 4,5,6	PTN						
				Trương Thị Thảo	02/03/2026-10/05/2026	10							1,2,3, 4,5,6	PTN						
93	SIN351	5	Tiền lương và bảo hiểm xã hội_01 (KHQL 21)	Nguyễn Thanh Huyền	05/01/2026-08/02/2026	5	9,10, 11	3A. P402												
				Nguyễn Thị Linh					10,11	3A. P402										
				Nguyễn Thanh Huyền	02/03/2026-10/05/2026		9,10, 11	3A. P402												
				Nguyễn Thị Linh		10			10,11	3A. P402										
94	ENC451	5	Tiếng Anh 4A_01 (Anh 21, AH 21)	Dương Thị Thảo	05/01/2026-08/02/2026	5							1,2,3	C9						
				Dương Thị Thảo		5			4,5	C9										
				Dương Thị Thảo	02/03/2026-10/05/2026	10			4,5	C9										
				Dương Thị Thảo		10							1,2,3	C9						

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
95	ENC451	5	Tiếng Anh 4A_02 (AT 21)	Dương Thị Thảo	05/01/2026-08/02/2026	5			1,2,3	C5										
				Dương Thị Thảo		5							4,5	C10						
				Dương Thị Thảo	02/03/2026-10/05/2026	10							4,5	C10						
				Dương Thị Thảo		10			1,2,3	C5										
96	ENC452	5	Tiếng Anh 4B_01 (Anh 21, AH 21)	Nguyễn Thị Quế	05/01/2026-08/02/2026	5			1,2,3	C9										
				Nguyễn Thị Quế		5							4,5	C9						
				Nguyễn Thị Quế	02/03/2026-10/05/2026	10							4,5	C9						
				Nguyễn Thị Quế		10			1,2,3	C9										
97	ENC452	5	Tiếng Anh 4B_02 (AT 21)	Nguyễn Thị Quế	05/01/2026-08/02/2026	5							1,2,3	C10						
				Nguyễn Thị Quế		5			4,5	C8										
				Nguyễn Thị Quế	02/03/2026-10/05/2026	10			4,5	C8										
				Nguyễn Thị Quế		10							1,2,3	C10						
98	EMT331	3	Tiếng Anh cho giảng dạy Toán_01 (Toán 21)	Nguyễn Thanh Sơn	05/01/2026-08/02/2026	5	3,4,5	3A. P303												
				Nguyễn Thanh Sơn	02/03/2026-10/05/2026	10	3,4,5	3A. P203												

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
99	EIL231	3	Tiếng Anh chuyên ngành_01 (TV 21)	Nguyễn Thị Quế	05/01/2026-08/02/2026	5	1,2,3	3A. P403												
				Nguyễn Thị Quế	02/03/2026-10/05/2026	10	1,2,3	3A. P403												
100	ETG333	3	Tiếng Anh lữ hành nâng cao_01 (DL 21 NĐ)	MG: Nguyễn Thị Thanh Huyền	02/03/2026-12/04/2026	6													1,2,3, 4,5	3A. P102
				MG: Nguyễn Thị Thanh Huyền		6											7,8,9, 10,11	3A. P102		
101	SKT231	3	Tiếng Hàn chuyên ngành (Du lịch)_01 (AH 21)	Nguyễn Thị Linh	05/01/2026-08/02/2026	5									1,2,3	C9				
				Nguyễn Thị Linh	02/03/2026-10/05/2026	10									1,2,3	C9				
102	ADK243	4	Tiếng Hàn nâng cao 3_01 (HQ1 21)	Hồ Thị Ngọc Bích	05/01/2026-08/02/2026	5	3,4,5	C6												
				Hồ Thị Ngọc Bích		5			1,2	C4										
				Hồ Thị Ngọc Bích	02/03/2026-26/04/2026	8	3,4,5	C6												
				Hồ Thị Ngọc Bích		8			1,2	C4										
103	ADK243	4	Tiếng Hàn nâng cao 3_02 (HQ2 21)	Hồ Thị Ngọc Bích	05/01/2026-08/02/2026	5	1,2	C8												
				Hồ Thị Ngọc Bích		5			3,4,5	C4										
				Hồ Thị Ngọc Bích	02/03/2026-26/04/2026	8	1,2	C5												
				Hồ Thị Ngọc Bích		8			3,4,5	C4										

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
104	COA331	3	Tiếng Trung hành chính văn phòng_01 (TQ1 21)	MG: Vi Thị Hoa	05/01/2026-08/02/2026	5											4,5,6	3A. P204		
				MG: Vi Thị Hoa	02/03/2026-10/05/2026	10											4,5,6	3A. P204		
105	COA331	3	Tiếng Trung hành chính văn phòng_02 (TQ2 21)	MG: Vi Thị Hoa	05/01/2026-08/02/2026	5											1,2,3	3A. P204		
				MG: Vi Thị Hoa	02/03/2026-10/05/2026	10											1,2,3	3A. P204		
106	COA331	3	Tiếng Trung hành chính văn phòng_03 (TQ3 21)	MG: Vi Thị Hoa	05/01/2026-08/02/2026	5											7,8,9	3A. P204		
				MG: Vi Thị Hoa	02/03/2026-10/05/2026	10											7,8,9	3A. P204		
107	COA331	3	Tiếng Trung hành chính văn phòng_04 (TQ4 21)	MG: Vi Thị Hoa	05/01/2026-08/02/2026	5											10,11, 12	3A. P204		
				MG: Vi Thị Hoa	02/03/2026-10/05/2026	10											10,11, 12	3A. P204		
108	COA331	3	Tiếng Trung hành chính văn phòng_05 (TQ5 21)	MG: Ngô Thị Trà	05/01/2026-08/02/2026	5					7,8,9	C3								
				MG: Ngô Thị Trà	02/03/2026-10/05/2026	10					7,8,9	C3								
109	COA331	3	Tiếng Trung hành chính văn phòng_06 (TQ6 21)	MG: Ngô Thị Trà	05/01/2026-08/02/2026	5					10,11, 12	C3								
				MG: Ngô Thị Trà	02/03/2026-10/05/2026	10					10,11, 12	C3								

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
110	VIE342	4	Tiếng Việt 2_01 (Văn 21)	La Thị Mỹ Quỳnh	05/01/2026-08/02/2026	5									1,2	3A. P403				
				La Thị Mỹ Quỳnh		5							1,2	3A. P403						
				La Thị Mỹ Quỳnh	02/03/2026-10/05/2026	10									1,2	3A. P403				
				La Thị Mỹ Quỳnh		10							1,2	3A. P403						
111	AIM231	3	Tin học ứng dụng trong quản lý_01 (KHQL 21)	Trịnh Thanh Hải	05/01/2026-08/02/2026	5					7,8,9	3A. P402								
112	AIM231	3	Tin học ứng dụng trong quản lý_01 (KHQL 21)_TH1	Trịnh Thanh Hải	02/03/2026-10/05/2026	10					1,2,3	PM2								
				Trịnh Thanh Hải		10							3,4,5	PM2						
113	AIM231	3	Tin học ứng dụng trong quản lý_01 (KHQL 21)_TH2	Trịnh Thanh Hải	02/03/2026-10/05/2026	10					3,4,5	PM2								
				Trịnh Thanh Hải		10							1,2,3	PM2						
114	KHT331	3	Tổ chức và phát triển cộng đồng_01 (CTXH 21)	Tạ Thị Thảo	05/01/2026-08/02/2026	5	7,8	3A. P102												
				Tạ Thị Thảo	02/03/2026-10/05/2026	10	7,8	3A. P102												
				Tạ Thị Thảo	30/03/2026-10/05/2026	6													1,2,3, 4,5	Thực hành

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
115	EXC131	3	Truyền thông đối ngoại_01 (HQ1 21)	Phạm Chiến Thắng	05/01/2026-08/02/2026	5							3,4,5	C6						
				Phạm Chiến Thắng	02/03/2026-10/05/2026	10							3,4,5	C6						
116	EXC131	3	Truyền thông đối ngoại_02 (HQ2 21)	Phạm Chiến Thắng	05/01/2026-08/02/2026	5									3,4,5	C1				
				Phạm Chiến Thắng	02/03/2026-10/05/2026	10									3,4,5	C3				
117	ATM341	4	Tự động hóa trong hoạt động TTTV_01 (TV 21)	Nguyễn Minh Nguyệt	05/01/2026-08/02/2026	5					9,10, 11	3A. P503								
				Nguyễn Minh Nguyệt	02/03/2026-10/05/2026	10					9,10, 11	3A. P503								
				Nguyễn Minh Nguyệt	30/03/2026-10/05/2026	6			1,2,3, 4,5	TTS09										
118	HPW331	3	Tư pháp quốc tế_01 (Luật 21)	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	05/01/2026-08/02/2026	5			9,10	3A. P103										
				Nguyễn Thị Quỳnh Trang		5					10,11	3A. P103								
				Nguyễn Thị Quỳnh Trang	02/03/2026-26/04/2026	8			9,10	3A. P103										
				Nguyễn Thị Quỳnh Trang		8					10,11	3A. P103								
119	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh_01 (BC 21, QLTN 21, CNSH 21, TV 21)	Lê Thị Quỳnh Liu	05/01/2026-08/02/2026	5									7,8	Online				
				Lê Thị Quỳnh Liu	02/03/2026-10/05/2026	10									7,8	Online				

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
120	CKT231	3	Văn hóa – Tư tưởng Hàn Quốc_01 (HQ1 21)	Nguyễn Thị Huyền Trang	05/01/2026-08/02/2026	5	1,2	C10												
				Nguyễn Thị Huyền Trang		5			3,4	C10										
				Nguyễn Thị Huyền Trang	02/03/2026-26/04/2026	8	1,2	C10												
				Nguyễn Thị Huyền Trang		8			3,4	C10										
121	CKT231	3	Văn hóa – Tư tưởng Hàn Quốc_02 (HQ2 21)	Nguyễn Thị Huyền Trang	05/01/2026-08/02/2026	5			1,2	C10										
				Nguyễn Thị Huyền Trang		5						2,3	C8							
				Nguyễn Thị Huyền Trang	02/03/2026-26/04/2026	8			1,2	C10										
				Nguyễn Thị Huyền Trang		8						2,3	C8							
122	CAC331	3	Văn hóa ẩm thực_01 (DL 21 NĐ)	Trần Hoàng Tâm	05/01/2026-08/02/2026	5			7,8	3A. P504										
				Trần Hoàng Tâm	02/03/2026-10/05/2026	10			7,8	3A. P503										
				Trần Hoàng Tâm	30/03/2026-10/05/2026	6						7,8,9, 10,11	3A. P102							
123	DKK331	3	Văn hóa doanh nghiệp_01 (QTDV 21)	Dương Thùy Linh	05/01/2026-08/02/2026	5			9,10, 11	3A. P503										
				Dương Thùy Linh	02/03/2026-05/04/2026	5			9,10, 11	3A. P503										
				Dương Thùy Linh	30/03/2026-10/05/2026	6										1,2,3, 4,5	3A. P402			

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
124	CHC231	3	Văn hóa Trung Quốc_01 (TQ1 21)	Bùi Trọng Tài	05/01/2026-08/02/2026	5							4,5,6	C2						
				Bùi Trọng Tài	02/03/2026-10/05/2026	10							4,5,6	C2						
125	CHC231	3	Văn hóa Trung Quốc_02 (TQ2 21)	Bùi Trọng Tài	05/01/2026-08/02/2026	5			4,5,6	C1										
				Bùi Trọng Tài	02/03/2026-10/05/2026	10			4,5,6	C1										
126	CHC231	3	Văn hóa Trung Quốc_03 (TQ3 21)	Bùi Trọng Tài	05/01/2026-08/02/2026	5			1,2,3	C6										
				Bùi Trọng Tài	02/03/2026-10/05/2026	10			1,2,3	C6										
127	CHC231	3	Văn hóa Trung Quốc_04 (TQ4 21)	Bùi Trọng Tài	05/01/2026-08/02/2026	5					4,5,6	C9								
				Bùi Trọng Tài	02/03/2026-10/05/2026	10					4,5,6	C9								
128	CHC231	3	Văn hóa Trung Quốc_05 (TQ5 21)	Bùi Trọng Tài	05/01/2026-08/02/2026	5							1,2,3	C2						
				Bùi Trọng Tài	02/03/2026-10/05/2026	10							1,2,3	C2						
129	KHF331	3	Văn học Châu Á_01 (Văn 21)	Phạm Thị Vân Huyền	05/01/2026-08/02/2026	5							3,4,5	3A. P403						
				Phạm Thị Vân Huyền	02/03/2026-10/05/2026	10							3,4,5	3A. P403						



TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
130	MVL142	4	Văn học Việt Nam hiện đại 2_01 (Văn 21)	Nghiêm Thị Hồ Thu	05/01/2026-08/02/2026	5											2,3,4,5	3A. P403		
				Nghiêm Thị Hồ Thu	02/03/2026-15/03/2026	2											2,3,4,5	3A. P403		
				Nguyễn Diệu Linh	16/03/2026-10/05/2026	8											2,3,4,5	3A. P403		
131	DJF333	3	Vi sinh 3_01 (CNSH 21)	Trịnh Ngọc Hoàng	05/01/2026-08/02/2026	5	1,2,3,4,5	PTN												
				Trịnh Ngọc Hoàng		5			1,2,3,4,5	PTN										
				Trịnh Ngọc Hoàng		5					1,2,3,4,5	PTN								
132	BLT321	2	Xây dựng và phát triển vốn tài liệu_01 (TV 23, TV 21)	Lê Thị Quyên	26/01/2026-08/02/2026	2					7,8	3A. P503								
				Lê Thị Quyên	02/03/2026-31/05/2026	13					7,8	3A. P503								
133	HRB431	3	Xử lý rủi ro trong kinh doanh lưu trú_01 (KND 21)	MG: Đào Thị Hương	05/01/2026-08/02/2026	5			2,3,4,5	3A. P403										
				MG: Đào Thị Hương		5					8,9,10,11	3A. P504								
				MG: Đào Thị Hương	30/03/2026-19/04/2026	3			2,3,4,5	3A. P303										
				MG: Đào Thị Hương		3					8,9,10,11	3A. P505								

TT	Mã học phần	Số TC	Tên lớp hp	Tên giáo viên	Thời gian	Số tuần	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Chủ nhật	
							Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học	Tiết	Phòng học
134	IEA431	3	Xuất nhập cảnh và thủ tục hàng không_01 (DL 21 ND)	Đàm Thị Tầm	05/01/2026-08/02/2026	5			9,10	3A. P504										
				Đàm Thị Tầm	02/03/2026-10/05/2026	10			9,10	3A. P505										
				Đàm Thị Tầm	30/03/2026-10/05/2026	6											1,2,3, 4,5	3A. P303		

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các Khoa/ Viện/ Bộ môn;
- Các phòng chức năng;
- Website;
- Lưu: ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG


PGS.TS. Nguyễn Thị Ngọc Oanh

